

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: khu phố X, phường CN, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: phường PT, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố X, phường CN, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà N và ông H là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường CN, thành phố Thủ Dầu Một. Sau khi kết hôn nhận thấy phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn. Trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Hiện tại bà N và ông H không còn sống chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung H.
- Về con chung: Có 01 con chung, tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 21/8/2020. Bà Phạm Thị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung.
- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trung H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập làm việc, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác. Nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên tòa, không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như ý kiến đòi với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy, được xem như ông H từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm. Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CN, thành phố Thủ Dầu Một năm 2020. Nay bà N có đơn xin ly hôn với ông H và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Trung H có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Trung H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015. Mặt khác, nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn số AB ngày 21/7/2020 tại UBND phường CN, thành phố Thủ Dầu Một là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn. Trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo và triệu tập ông H đến Tòa án để làm việc nhưng ông H không đến điều đó chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, bà N và ông H không còn sống chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 21/8/2020. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, cháu T dưới 36 tháng tuổi và đang ở với mẹ. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 21/8/2020 cho mẹ là bà Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, AB, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

- Về con chung: Bà Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 21/8/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001377 ngày 03/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường CN, TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Châu Giang